

A. PHẦN LÝ THUYẾT

I. Phần văn học: Nắm được nội dung và nghệ thuật của các văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn 7.

II. Phần tiếng Việt: Nắm được các kiến thức về: Từ ghép, từ láy, đại từ, quan hệ từ, từ Hán Việt, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, thành ngữ, biện pháp điệp ngữ, chơi chữ, liệt kê, rút gọn câu, câu đặc biệt, thêm trạng ngữ cho câu, dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu, chuyển đổi câu chủ động sang câu bị động.

III. Phần tập làm văn: Nắm được cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học và lập luận chứng minh, lập luận giải thích.

B. PHẦN BÀI TẬP

I. Phần văn học

1. Bài 1

Em hiểu thế nào về hình ảnh “thế giới kì diệu” trong câu nói của người mẹ “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con, bước qua cánh cổng trường là một thế giới kì diệu sẽ mở ra”? (*Cổng trường mở ra – Lí Lan, Ngữ văn 7 tập 1*)

2. Bài 2

Trong văn bản “Mẹ tôi” tại sao khi nhận được bức thư của bố, En-ri-co lại thấy “xúc động vô cùng”? Em có nhận xét gì về thái độ của cậu bé? Hãy liên hệ đến bản thân khi mắc lỗi và thái độ của mình khi nhận được sự góp ý của người khác.

3. Bài 3

Trong truyện “Cuộc chia tay của những con búp bê” có những chi tiết bất ngờ. Theo em, đâu là những chi tiết bất ngờ và cảm động nhất?

4. Bài 4

Những tư tưởng, tình cảm chủ yếu được phản ánh trong các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam là gì?

5. Bài 5

Tại sao nói “Tục ngữ là túi khôn của dân gian”? Giải thích nội dung một câu tục ngữ mà em đã học.

6. Bài 6

Các văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 7 kì 2 bàn về những vấn đề gì?

7. Bài 7

Sau khi học văn bản “Ca Huế trên sông Hương”, em cảm nhận ca Huế có những nét gì đặc sắc?

II. Phần tiếng Việt

1. Bài 1: Sắp xếp các từ thành 3 nhóm và điền vào bảng theo mẫu cho dưới đây: *xanh xanh, xấu xa, xe máy, xe cộ, cá chép, xấu xí, máu me, máu mủ, hoàng hôn, học hành, đỏ đỏ, mơ màng, mơ mộng, xe máy, xe cộ, cá chép, nhà cửa, nhà máy, quần âu, cây cỏ, quần áo, xanh lè, tôn tốt, tốt tươi, học hỏi, xanh um, đỏ quạch,*

Từ láy	Từ ghép chính phụ	Từ ghép đẳng lập

2. Bài 2: Tìm đại từ có trong các ví dụ sau:

- a) Em để nó ở lại - Giọng em ráo hoảnh - Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa? Anh hứa đi.
- b) Tôi mếu máo trả lời và đứng như chôn chân xuống đất, nhìn theo cái bóng bé nhỏ liêu xiêu của em tôi trèo lên xe.

3. Bài 3: Giải nghĩa các thành ngữ Hán Việt sau:

- Đơn thương độc mã;
- Hữu danh vô thực;
- Đồng cam cộng khổ;
- Nhập gia tùy tục.

4. Bài 4: Đặt câu với các quan hệ từ sau: của, với, nếu...thì, vì...nên, tuy...nhưng,....

5. Bài 5: Tìm các từ đồng nghĩa với các từ sau: bố, mẹ, gan dạ, nhìn.

6. Bài 6: Tìm các từ trái nghĩa với các từ sau: già, nhỏ, giàu, sáng, hay.

7. Bài 7: Tìm và giải thích nghĩa của các từ đồng âm trong ví dụ sau:

- Thu về khiến lòng Thu háo hức vì được đi học.
- Ông Ba vội vã đón ba con ba ba vào ba cái túi.

8. Bài 8: Sưu tầm 4 thành ngữ và giải nghĩa các thành ngữ đó

9. Bài 9: Chỉ ra các dạng điệp ngữ trong các đoạn thơ sau:

- a) Rầm xuân lồng lộng trắng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
- b) Hồ Chí Minh muôn năm!
Hồ Chí Minh muôn năm!
Hồ Chí Minh muôn năm!
Giây phút thiêng liêng anh gọi Bác ba lần.
- c) Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.
- d) Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thỏn thức?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

10. Bài 10: Chỉ ra các kiểu chơi chữ trong các đoạn thơ sau:

- a) Trùng trục như con bò thui
Chín mắt, chín mũi, chín đuôi, chín đầu

- b) Mênh mông muôn mẫu một màu mưa
Mỗi mắt miên man mãi mịt mờ.
- c) Hiện đại thì hại điện.
- d) Trắng bao nhiêu tuổi trắng già
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.

11. Bài 11: Tìm câu rút gọn và câu đặc biệt trong những đoạn trích sau:

- a) Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi không về!
- b) - Những ai ngồi đây?
- Ông Lí cự với ông Chánh Hội.
- c) Ôi, đẹp quá! Sao lại có bông hoa bằng lăng nở muộn thế kia?
- d) Đêm trắng. Biển yên tĩnh. Tàu Phương Đông của chúng tôi buông neo trong vùng biển Trường Sa.

12. Bài 12: Điền trạng ngữ thích hợp vào những chỗ trống

- a)/ trời mưa tầm tã, /Trời lại nắng chang chang.
- b)/cây cối đâm chồi nảy lộc.
- c)/ tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.
- d)/ em làm sai mất bài toán cuối.

13. Bài 13: Chuyển các câu chủ động thành các câu bị động theo hai cách

- a) Các kiến trúc sư xây dựng ngôi nhà này trong 2 năm.
- b) Ông ta viết xong quyển sách này vào năm 2000.
- c) Người ta bán quyển sách này với giá 35.000đ

14. Bài 14: Tìm các cụm C- V làm thành phần câu trong các câu sau:

- a) Con mèo chạy làm đổ lọ hoa.
- b) Cái bàn này chân đã gãy.
- c) Cách mạng tháng 8 thành công đem lại độc lập, tự do cho dân tộc.
- d) Nó học giỏi khiến cha mẹ vui lòng.

15. Bài 15: Tìm và chỉ ra các kiểu liệt kê trong các đoạn trích sau:

- a) Chợ họp giữa phố vẫn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía. (Thạch Lam)
- b) Tình yêu của Tố Hữu dịu dàng, đầm ấm, chan chứa, kính mến, và đượm cả xót thương, có đôi khi đến buồn ngủi. (Nguyễn Đình Thi)
- c) Thằng bé con anh Chấn ho rũ rượi, ho như xé phổi, ho không còn khóc được nữa. (Nam Cao)

III. Phần tập làm văn

Viết bài văn hoàn chỉnh cho các đề bài sau:

1. Đề 1: Biểu cảm về một bài thơ em học trong chương trình Ngữ văn 7.
2. Đề 2: Em hãy chứng minh “Sách là người bạn lớn của con người”.
3. Đề 3: Em hãy giải thích câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”.

(Lưu ý: Phần lý thuyết học sinh tự ôn không bắt buộc làm vào vở, phần bài tập bắt buộc làm vào vở.)

NGƯỜI RA NỘI DUNG

Lã Thị Thu Hiền

